

## BÁO CÁO

Tình hình điều tiết nước phục vụ sản xuất  
(từ ngày 4/01/2025 đến 10/01/2025)

### I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2024-2025

Diện tích xuống giống vụ Đông Xuân 2023-2024 đến ngày 10/01/2025: **5.161,2** ha đạt 7,4% so với kế hoạch.

#### 1. Khu vực Củ Chi: **4.637,1** ha; cụ thể:

– Lúa: **4.153,6** ha (Trung Lập Thượng: 719,5 ha, Trung Lập Hạ: 468,7 ha, Thái Mỹ: 306,5 ha, Phước Thạnh: 407,0 ha, Phước Hiệp: 149,1 ha, An Nhơn Tây: 148,5 ha, Nhuận Đức: 204,6 ha, Phú Mỹ Hưng: 44,0 ha, Phước Vĩnh An: 64,6 ha, Tân An Hội: 187,6 ha; Tân Thông Hội: 53,9 ha, Tân Phú Trung: 698,8 ha; An Phú – Phú Mỹ Hưng: 16,5 ha. Thai Thai – Bến Súc: 10,1 ha, Tân Thạnh Đông: 592,0 ha, Cây Xanh – Bà Bép: 14,0 ha, Bắc rạch Tra: 11,0 ha, Láng The – Sông Lu: 57,2 ha)

– Rau màu: **483,5** ha.

#### 2. Khu vực Nam rạch Tra: **6,1** ha lúa (Đông Thạnh).

#### 3. Khu vực Hóc Môn – Bắc Bình Chánh: **453** ha, cụ thể:

Lúa: 518,0 ha (Tân Thới Nhì: 130 ha; Xuân Thới Sơn: 50 ha; Xuân Thới Thượng: 40 ha; Tân Kiên: 25 ha; Tân Nhựt: 150 ha; Lê Minh Xuân: 60 ha; Vĩnh Lộc B: 5,0 ha; Tân Tạo A: 58 ha).

### II. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC

#### 1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước sử dụng trong tuần qua CĐT K34 và CDK N25 từ ngày 04/01/2025 đến ngày 10/01/2025: 7.434.368 m<sup>3</sup>, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )
04/01/2025	13,74	13,43	0,90	10,42	900.523	3,43	296.086
05/01/2025	13,40	13,20	0,90	8,37	723.317	2,71	234.077
06/01/2025	13,77	13,43	0,90	10,92	943.091	3,53	305.199
07/01/2025	13,74	13,43	0,90	10,42	900.523	3,21	276.963
08/01/2025	13,62	13,36	0,90	9,55	824.709	2,97	256.418
09/01/2025	13,60	13,32	0,90	9,91	855.841	3,09	266.888
10/01/2025	13,25	13,16	0,90	5,62	485.216	1,92	165.517
<b>Tổng cộng</b>					<b>5.633.220</b>		<b>1.801.148</b>

b. Tổng lượng nước sử dụng từ ngày 01/12/2024 đến 10/01/2025 là 43,50 triệu m<sup>3</sup>, bằng 89,69% so cùng kỳ và bằng 11,57% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 32,46 triệu m<sup>3</sup>, K0 – N25: 11,04 triệu m<sup>3</sup>).

c. **Tình hình điều tiết nước:** Tăng cường kiểm tra, phối hợp điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

**2.Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (16,20 ÷ 19,80) NTU và pH dao động từ (6,81 ÷ 7,13).

**3.Mức nước Hồ Dầu Tiếng:** Dao động từ (23,49 ÷ 23,64) m.

Ngày	Mức nước năm 2025 (m)	Mức nước năm 2024 (m)
10/01/2025	23,49	23,51
09/01/2025	23,51	23,53
08/01/2025	23,53	23,54
07/01/2025	23,56	23,56
06/01/2025	23,62	23,57
05/01/2025	23,61	23,59
04/01/2025	23,64	23,61

**4. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:**

– **Mức nước Max trong tuần:**

- + Công Gò Dưa : + 1,44 m
- + Công Ba Thôn : + 1,41m
- + RT12 (bắc Rạch Tra) : + 1,27 m
- + Công kênh C : + 1,50 m
- + Công An Hạ : + 1,26 m

– **Chất lượng nước:**

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2025) Ngày 9/01/2025		Độ mặn (2024) Ngày 12/01/2024	
		PS	PĐ	PS	PĐ	PS	PĐ
1	Công Tân Kiên	6,9	7,0	2,3	1,0	2,5	1,4
2	Công kênh C	6,7	6,9	2,0	0,7	2,2	0,8
3	Công kênh B	6,6	6,6	1,7	0,6	1,8	0,6
4	Công kênh A	6,9	6,7	1,5	0,5	1,5	0,5
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,9		1,3		1,3	
6	Công cuối kênh Ranh	6,6		0,4		0,5	
7	Công An Hạ	6,8	6,8	0,3		0,5	
8	Công T10	6,7		0,2		0,2	

### III.TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

– Công trình an toàn; Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường:

– Khu vực 5 công ngăn triều Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;

– Tình hình vận hành công Ba Thôn, Đá Hàn: Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.